

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/DS-PT

Ngày 29 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Địa chỉ: Số 41-45, đường L, Phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Trọng A; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Sơn Ngọc N. Chức vụ: Quyền giám đốc, Phòng giao dịch huyện Phước Long; (vắng mặt)

- Ông Lý Hùng A1, sinh năm 1986. Chức vụ: Chuyên viên cao cấp thu hồi nợ; (có mặt)

- Ông Nguyễn Trung H. Chức vụ: Trưởng nhóm thu hồi nợ - Phòng thu hồi nợ khối bán lẻ. (vắng mặt)

2. *Đồng bị đơn:* Ông Lê Thanh U, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Bích V, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện X, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông U, bà V: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Lê Thanh T, sinh năm 1987; (có mặt)

3.2. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1988 (vắng mặt)

3.3. Anh Lê Thanh V1, sinh năm 1991;(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện X, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Chị Lê Kim T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Anh Lê Thanh T và chị Lê Kim T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 25/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/6/2016, ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V với Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN, theo đó ông U, bà V vay của Ngân hàng số tiền 490.000.000 đồng; mục đích vay nuôi trồng thủy sản; thời hạn vay: 60 tháng với lãi suất vay 11,9%/năm, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, nhận nợ ngày 14/6/2016 với số tiền là 490.000.000 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên, ông Lê Thanh U, bà Lê Thị Bích V và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 058/2016/BĐ ngày 14/6/2016 cụ thể là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 20, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 150m²; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 05, diện tích: 12.020,2m²; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 1.177,4m². Các phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 027220, AO 027221 và AO 027222 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ là Lê Thị Bích V ngày 31/7/2009. Các thửa đất đều tọa lạc tại: Ấp Thọ Hậu (nay là Phước Thọ Hậu), xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 30/8/2016, ông U và bà V với Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số 0102/2016/HĐTD-CN, theo đó ông U, bà V vay của Ngân hàng số tiền 165.000.000 đồng; mục đích vay nuôi trồng thủy sản; thời hạn vay: 60 tháng với lãi suất vay 12%/năm, lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, nhận nợ ngày 30/8/2016 với số tiền là 165.000.000 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên, anh Lê Thanh T và chị Nguyễn Thị G với Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 0102/2016/BĐ ngày 30/8/2016 cụ thể là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 171, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 4.340m²; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 162, tờ bản đồ

số: 04, diện tích: 3.023,6m². Các thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710011, RB 710012 cấp ngày 13/01/2014 cho bà Lê Thị Bích V (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 173, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 6.704,9m² đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710014 ngày 13/01/2014 cho ông Lê Văn H (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014). Các thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Thanh U, bà Lê Thị Bích V đã thanh toán được cho Ngân hàng một phần nợ gốc, nợ lãi tại 02 hợp đồng, cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016: Nợ gốc đã thanh toán 78.000.000 đồng, nợ lãi đã thanh toán 60.028.991 đồng. Tổng cộng đã thanh toán 138.028.991 đồng. Tính đến ngày 17/3/2022, hợp đồng vay trên ông U, bà V còn nợ lại số tiền là 778.059.860 đồng. Trong đó nợ gốc 412.000.000 đồng và nợ lãi 366.059.000 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0102/2016/HĐTD-CN ngày 30 tháng 8 năm 2016: Nợ gốc đã thanh toán 107.500.000 đồng, nợ lãi đã thanh toán 15.426.399 đồng. Tổng cộng đã thanh toán 122.926.399 đồng. Tính đến ngày 17/3/2022, hợp đồng vay trên ông U, bà V còn nợ lại số tiền là 163.037.779 đồng. Trong đó nợ gốc 57.500.000 đồng và nợ lãi 105.537.779 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số gốc và lãi tại 02 hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 17/3/2022 là 941.097.639 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính kể từ ngày 18/3/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Lê Thanh U, bà Lê Thị Bích V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Anh Lê Thanh T là người đại diện theo ủy quyền đồng bị đơn bà Lê Thị Bích V, ông Lê Thanh U và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh thống nhất là ông U và bà V có vay tiền và hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi tại 02 hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 17/3/2022 là 941.097.639 và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 20, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 150m²; quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 1.177,4m²; quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 05, diện tích: 12.020,2m². Các thửa đất đều có địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ là Lê Thị Bích V thì anh, ông U và bà V không đồng ý.

Đồng Thời, bà V có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp đối với các diện tích đất nêu trên với lý do các phần đất trên được cấp cho hộ gia đình, thời điểm cấp giấy thành viên trong hộ gồm có ông U, bà V và 03 người con là anh (Lê Thanh T), Lê Thanh V1 và Lê Kim T1. Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp thì anh, anh V1 và chị T1 không biết và cũng không có ký tên vào hợp đồng thế chấp.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 4.340m²; quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 162, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 3.023,6m²; quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 173, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 6.704,9m². Các thửa đất đều có địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu và đã được chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014 thì anh, ông U và bà V đồng ý và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Kim T1 và anh Lê Thanh V1 trình bày: Anh chị không đồng ý việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông U và bà V, vì các tài sản thế chấp là cấp cho hộ, khi ký kết hợp đồng thì chị T1, anh V1 không có mặt và cũng không ký kết hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng không có lời trình bày tại Tòa án.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Bích V về việc hủy hợp đồng thế chấp số 058/2016/BĐ ngày 14/6/2016.

2. Buộc ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tính đến ngày 17/3/2022 là 941.097.639 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính kể từ ngày 18/3/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Cụ thể là:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016 số tiền là 778.059.860 đồng. Trong đó nợ gốc 412.000.000 đồng và nợ lãi 366.059.860 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 0102/2016//HĐTD-CN ngày 30 tháng 8 năm 2016 số tiền là 163.037.779 đồng. Trong đó nợ gốc 57.500.000 đồng và nợ lãi 105.537.779 đồng.

Kể từ ngày 18/3/2022, ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016 và 0102/2016//HĐTD-CN ngày 30 tháng 8 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì lãi suất mà ông U, bà V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

3. Về việc xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V không thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P theo hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 20, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 150m². Địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 027220 ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ Lê Thị Bích V.

- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 1.177,4m². Địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 027222 ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ Lê Thị Bích V.

- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 05, diện tích: 12.020,2m². Địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 027221, do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ là Lê Thị Bích V.

3.2. Trường hợp ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V không thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 0102/2016/HĐTD-CN ngày 30 tháng 8 năm 2016, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 171, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 4.340m². Địa chỉ thửa đất: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710011 ngày 13/01/2014 cho bà Lê Thị Bích V (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014).

- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 162, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 3.023,6m². Địa chỉ thửa đất: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710012 ngày 13/01/2014 cho bà Lê Thị Bích V (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014).

- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 173, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 6.704,9m². Địa chỉ thửa đất: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710014 ngày 13/01/2014 cho ông Lê Văn H (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 4 năm 2022 anh Lê Thanh T và chị Lê Kim T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ Bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị T1 đã được triệu tập họp lần hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của chị T1. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc đồng ý chừa lại diện tích khu mộ và lối đi ra lộ cho gia đình ông U. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Về chi phí tố tụng và án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Thanh T và chị Lê Kim T1 trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Sơn Ngọc N, ông Nguyễn Trung H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị G, anh Lê Thanh V1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị Lê Kim T1 là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên bị coi là từ bỏ việc kháng cáo, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Lê Kim T1.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lê Thanh T yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, thấy rằng:

[4.1] Về hợp đồng tín dụng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V trả tiền nợ vay tính đến ngày 13/7/2022, cụ thể:

Theo hợp đồng 058/2016/HĐTD-CN ngày 14/6/2016, vợ chồng ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V nợ vốn gốc 412.000.000 đồng và nợ lãi 366.059.860 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng số 0102/2016//HĐTD-CN ngày 30/8/2016 nợ gốc 57.500.000 đồng và nợ lãi 105.537.779 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 17/3/2022 tổng số tiền ông U, bà V còn nợ Ngân hàng là 941.097.639 đồng.

[4.2] Hội đồng xét xử xét thấy, đồng bị đơn thừa nhận có ký kết hai hợp đồng tín dụng như phía Ngân hàng trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng phía đồng bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ nên ngày 30/7/2017 hai hợp đồng tín dụng nêu trên chuyển sang nợ quá hạn.

[4.3] Đồng bị đơn đồng ý với yêu cầu trả nợ nêu trên của Ngân hàng nhưng yêu cầu được trả dần, Ngân hàng không đồng ý và yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông U và bà V thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 17/3/2022 là 941.097.639 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính kể từ ngày 18/3/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4.4] Về hợp đồng thế chấp tài sản:

[4.4.1] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng số 0102/2016//HĐTD-CN ngày 30 tháng 8 năm 2016, anh Lê Thanh T, chị Nguyễn Thị G và Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 0102/2016/BĐ ngày 30/8/2016 cụ thể là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 171, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 4.340m²; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 162, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 3.023,6m²; Các thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710011, RB 710012 cấp ngày 13/01/2014 cho bà Lê Thị Bích V (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014) và quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 173, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 6.704,9m² đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710014 ngày 13/01/2014 cho ông Lê Văn H (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014). Các thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp có chứng thực theo quy định, được đăng ký thế chấp đúng quy định. Và anh T cũng xác định việc vợ chồng anh ký kết hợp đồng thế chấp trên là hoàn toàn tự nguyện, trường hợp ông U, bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì anh đồng ý để cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi vốn. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng số 0102/2016//HĐTD-CN ngày 30/8/2016 là có căn cứ pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T và chị T1.

[4.4.2] Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016 ông U và bà V thế chấp tài sản như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 20, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 150m²; quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 1.177,4m²; quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 05, diện tích: 12.020,2m². Các thửa đất đều có địa chỉ: Ấp Thọ Hậu (nay là ấp Phước Thọ Hậu), xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ là Lê Thị Bích V.

Bà V, anh T, anh V1, chị T1 đều cho rằng các tài sản trên là của hộ gia đình, khi ký kết hợp đồng thế chấp thì anh T, anh V1, chị T1 không có ký tên vào hợp đồng nên không đồng ý phát mãi và bà V có yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện đất được cấp cho hộ ông Lê Thanh U và vợ Lê Thị Bích V. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đề nghị cơ quan chuyên môn xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận hộ của ông U, bà V gồm những ai. Tại Công văn số 2635/UBND-NC ngày 22/11/2021 thì Ủy ban nhân dân huyện X xác định hồ sơ cấp giấy đã chuyển giao cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phước Long nhưng hiện tại hồ sơ đã thất lạc nên Ủy ban chưa đủ cơ sở kiểm tra, đối chiếu để cung cấp thông tin. Tại công văn số 134/CAPL-HC ngày 09/01/2022 thì Cơ quan công an xác định do hộ khẩu của gia đình ông Lê Thanh U chưa thực hiện việc đổi sổ, vì vậy không có thông tin trong tàng thư của Công an huyện đang quản lý.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, anh T và chị T1 cung cấp Đơn xin xác nhận hộ khẩu đề ngày 25/3/2022 và bản phô tô Sổ hộ khẩu, chủ hộ ông Lê Thanh U thể hiện hộ ông U vào thời điểm năm 2005 có 05 thành viên gồm ông U, bà V, anh T, anh V1 và chị T1.

Xét thấy, khi ông U và bà V thực hiện thủ tục vay vốn tại Ngân hàng vào ngày 14/6/2016 thì cung cấp cho Ngân hàng sổ hộ khẩu gia đình được cấp vào ngày 19/12/2013 gồm có ông U, bà V, anh V1, chị T1. Tuy nhiên, để chứng minh cho thời điểm tháng 7/2009 hộ ông U được cấp giấy chỉ có hai người nên ông U làm đơn xin xác nhận ngày 06/6/2016 có nội dung đề nghị công an xã xác nhận tại thời điểm tháng 7 năm 2009 thì hộ của ông U chỉ có 02 thành viên là Lê Thanh U và Lê Thị Bích V nhằm mục đích vay được tiền. Ông U cố tình không cung cấp cho Ngân hàng thông tin thời điểm trước khi được cấp giấy cho hộ ông U gồm có 05 thành viên (hộ khẩu ngày 09/5/2005). Từ đó, Ngân hàng mới đồng ý ký hợp đồng thế chấp tài sản với ông U và bà V. Nay xảy ra tranh chấp bà V cho rằng chị T1, anh V1 và anh T không ký vào hợp đồng thế chấp nêu trên là không đúng và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp là không có căn cứ vì không phải lỗi của Ngân hàng.

Mặt khác, chị T1 thừa nhận đất có nguồn gốc là của ông U và bà V nhận chuyển nhượng từ người khác lúc đó chị T1 khoảng 10 tuổi; anh T thì xác định đất do cha mẹ chuyển nhượng của người khác đã lâu, thời gian anh cũng không nhớ rõ. Như vậy, có cơ sở xác định chị T1, anh V1, anh T không có công sức đóng góp trong việc tạo lập tài sản thế chấp.

Ngoài ra, hợp đồng thế chấp đã được chứng thực, đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

Do đó, anh T kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp là không có căn cứ chấp nhận.

[4.5] Anh T kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định phần đất nhưng lại đưa ra xét xử là không đảm bảo đúng thủ tục theo quy định.

Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản tranh chấp nhưng phía chị T1 ngăn cản, không hợp tác, không đồng ý cho Hội đồng xem xét, thẩm định, điều này cũng được anh T thừa nhận do trước đây gia đình không hiểu biết nên không đồng ý cho Toà án đo đạc, xem xét, thẩm định. Như vậy, việc Toà án cấp sơ thẩm đã tổ chức xem xét thẩm định là đúng quy định, nhưng không tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định được là do gia đình anh T, chị T1 ngăn cản, không hợp tác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và tài liệu mà Tòa án thu thập để giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, phần kháng cáo này không có căn cứ chấp nhận.

[4.6] Anh T kháng cáo cho rằng trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4 kiên cố có 08 người đang sinh sống trực tiếp tại căn nhà trên. Việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là phần đất nhưng căn nhà thuộc sở hữu chung của gia đình anh cùng nhau đóng góp xây dựng trên phần đất này, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh.

Xét thấy, tại khoản 4 Hợp đồng thế chấp số 058/2016/BĐ ngày 14/6/2016, ông U, bà V thống nhất thỏa thuận với Ngân hàng: “Phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm, các tài sản gắn liền với diện tích đất đã thế chấp cũng đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng này”. Đồng thời, ngày 06/6/2016 ông U có Đơn xác nhận nội dung: “Nay tôi làm đơn này kính nhờ UBND xã Phước Long, huyện Phước Long xác nhận cho tôi một việc như sau: Tôi đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4 hoàn thành vào năm 2013 với diện tích sàn 160m² tọa lạc tại thửa 20, 21, tờ bản đồ số 21, địa chỉ Ấp T, xã P, huyện X...Lý do: để bỏ tức hồ sơ vay vốn”, cùng ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Long xác nhận ông Lê Thanh U có 01 căn nhà nhưng chưa được công nhận tài sản gắn liền với đất.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp có thỏa thuận thế chấp luôn tài sản gắn liền với đất, nên ông U làm đơn xác nhận thể hiện căn nhà gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông để thế chấp Ngân hàng. Trong khi đó, anh T kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh căn nhà cấp 4 gắn liền với đất là tài sản chung do anh và các anh em khác có công sức đóng góp. Mặt khác, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2022 anh T, chị G và chị T1 xác định căn nhà chính và sân xi măng là do ông U xây dựng năm 2008. Đối với các chuồng cá sấu, chuồng gà do anh xây dựng năm 2009 và mái che cũng do anh xây dựng năm 2021. Do đó, không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này.

[4.7] Anh T kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là xử lý luôn 02 ngôi mộ của ông bà của anh T, chị T1 là không đúng.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm gia đình anh T, chị T1 ngăn cản không cho xem xét, thẩm định tại chỗ, nên không xác định được trên phần đất thế chấp có 02 ngôi mộ. Ngày 03/8/2022, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được phần đất mồ mã và lối đi vào nhà mồ thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ 21 có tổng diện tích 48,3m². Phần đất có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng Đông giáp với đường nhựa có số đo 1,0m.

Hướng Tây giáp phần đất của ông Lê Thanh U có số đo 5,8m.

Hướng Nam giáp phần đất của bà Lê Hồng Đào có số đo 15,3m

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Thanh U có số đo 14,2m.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đồng ý trừ diện tích khu mộ và lối đi ra lộ cho gia đình ông U với tổng diện tích 48,3m², không yêu cầu phát mãi đối với phần đất mồ mã và lối đi vào nhà mồ. Do đó, ghi nhận ý kiến tự nguyện này của đại diện Ngân hàng. Từ đó có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo này của anh T, không phát mãi tài sản là phần đất có ngôi nhà mồ với diện tích 48,3m².

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Thanh T, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở giai đoạn sơ thẩm là 420.000 đồng. Ông Lê Thanh U, bà Lê Thị Bích V phải chịu. Ngân hàng đã nộp và chi xong, ông U, bà V có trách nhiệm giao trả lại cho Ngân hàng số tiền 420.000 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở giai đoạn phúc thẩm là 6.500.000 đồng. Ngân hàng phải chịu 3.250.000 đồng; anh T phải chịu 3.250.000 đồng. Anh T đã nộp và chi hết. Buộc Ngân hàng có trách nhiệm giao trả lại cho anh T số tiền 3.250.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận và bà V phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do sửa một phần bản án nên anh Lê Thanh T không phải chịu.

Chị Lê Kim T1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên số tiền chị T1 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng được sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 295, Khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của chị Lê Kim T1.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Thanh T; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V.

Buộc ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tính đến ngày 17/3/2022 là 941.097.639 đồng. Cụ thể là:

Đối với hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016 số tiền là 778.059.860 đồng. Trong đó nợ gốc 412.000.000 đồng và nợ lãi 366.059.860 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0102/2016/HĐTD-CN ngày 30 tháng 8 năm 2016 số tiền là 163.037.779 đồng. Trong đó nợ gốc 57.500.000 đồng và nợ lãi 105.537.779 đồng.

Kể từ ngày 18/3/2022, ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016 và 0102/2016/HĐTD-CN ngày 30 tháng 8 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P thì lãi suất mà ông U, bà V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Bích V về việc hủy hợp đồng thế chấp số 058/2016/BĐ ngày 14/6/2016.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P về việc không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mồ mã và lối đi vào nhà mồ có diện tích 48,3m² thuộc thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 21. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AO 027222, do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 31/7/2009 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ Lê Thị Bích V. Phần đất có tứ cạnh và số đo như sau:

Hướng Đông giáp với đường nhựa có số đo 1,0m.

Hướng Tây giáp phần đất của ông Lê Thanh U có số đo 5,8m.

Hướng Nam giáp phần đất của bà Lê Hồng Đào có số đo 15,3m

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Thanh U có số đo 14,2m.

4. Về việc xử lý tài sản thế chấp:

4.1. Trường hợp ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V không thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 058/2016/HĐTD-CN ngày 14 tháng 6 năm 2016, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 20, tờ bản đồ số: 21, diện tích: 150m². Địa chỉ thửa đất: Ấp Thọ Hậu (nay là ấp Phước Thọ Hậu), xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 027220 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ Lê Thị Bích V ngày 31/7/2009.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 21, tờ bản đồ số: 21, diện tích theo đo đạc thực tế sau khi trừ phần mồ mã và lối đi vào nhà mồ là 1.133,4m². Địa chỉ thửa đất: Ấp Thọ Hậu (nay là ấp Phước Thọ Hậu), xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 027222 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ Lê Thị Bích V ngày 31/7/2009.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 05, diện tích: 12.020,2m². Địa chỉ thửa đất: Ấp Thọ Hậu (nay là ấp Phước Thọ Hậu), xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 027221 cho hộ ông Lê Thanh U và vợ là Lê Thị Bích V ngày 31/7/2009.

4.2. Trường hợp ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V không thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P theo hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 0102/2016/HĐTD-CN ngày 30/8/2016, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 171, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 4.340m². Địa chỉ thửa đất: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở

và tài sản gắn liền với đất số RB 710011 ngày 13/01/2014 cho bà Lê Thị Bích V (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014).

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 162, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 3.023,6m². Địa chỉ thửa đất: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710012 ngày 13/01/2014 cho bà Lê Thị Bích V (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014).

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 173, tờ bản đồ số: 04, diện tích: 6.704,9m². Địa chỉ thửa đất: Ấp L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bạc Liêu. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số RB 710014 ngày 13/01/2014 cho ông Lê Văn H (chuyển quyền cho anh Lê Thanh T ngày 21/01/2014).

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở giai đoạn sơ thẩm là 420.000 đồng. Ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V phải chịu. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đã nộp và chi hết. Ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 420.000 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở giai đoạn phúc thẩm là 6.500.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P phải chịu 3.250.000 đồng; anh Lê Thanh T phải chịu 3.250.000 đồng. Anh Lê Thanh T đã nộp và chi hết. Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần P có trách nhiệm giao trả lại cho anh Lê Thanh T số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Thanh U và bà Lê Thị Bích V phải nộp 40.232.929 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

Án phí sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Lê Thị Bích V phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004272 ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu trong giai đoạn thi hành án.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải nộp án phí. Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là số tiền 15.559.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0014040 ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Thanh T không phải chịu. Anh Lê Thanh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005130 ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Chị Lê Kim T1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005129 ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được sung công quỹ Nhà nước.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện X;
- CCTHADS huyện X;
- Dương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lệ Kiều